

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 119/2019/DS-PT

Ngày : 22/5/2019

V/v: Tranh chấp di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Hoàng Thị Thu Lan

Các Thẩm phán : Ông Đỗ Minh Hoàng

Ông Đinh Như Lâm

- Thư ký phiên tòa :

Bà Hoàng Thị Thu Hiền - Thư ký Toà án
nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội :

Bà Nguyễn Mai Thanh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 2 năm 2019 về việc *Tranh chấp di sản thừa kế*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DSST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2019/QĐXX-PT ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 132/2019/QĐPT-HPT ngày 02/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Lê Thiên Q, sinh năm 1963.

Anh Lê Thiên T, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1964;
2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1935;
3. Anh Lê Thiên L, sinh năm 1968;
4. Bà Lê Thị A, sinh năm 1968;
5. Anh Lê Thiên G, sinh năm 1973;

6. Anh Lê Thiên P, sinh năm 1997
7. Anh Lê Thiên Đ, sinh năm 1985;
8. Chị Nguyễn Thị L S, sinh năm 1991;
9. Cháu Lê Hương Đ1, sinh năm 2013;
10. Cháu Lê Công Đ2, sinh năm 2015;

(Người đại diện theo pháp luật của Cháu Lê Hương Đ1 và cháu Lê Công Đ2 là Anh Lê Thiên Đ và Chị Nguyễn Thị L S – bố mẹ đẻ).

11. Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1973;
12. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1980;
13. Cháu Lê Thiên T2, sinh năm 2003;
14. Cháu Lê Thiên Phương T1, sinh năm 2008;
15. Cháu Lê Thiên Quang T3, sinh năm 2012;

(Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Thiên T2, Lê Thiên Phương T1, Lê Thiên Quang T3 là anh Lê Thiên T và chị Nguyễn Thị K – bố mẹ đẻ).

16. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974;
17. Bà Lê Thị B, sinh năm 1933;
18. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1951;
19. Ông Nguyễn Văn B sinh năm 1954;
20. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960;
21. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961;
22. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1945;
23. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964;
24. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1969;
25. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1973;
26. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1971;
27. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975;
28. Ông Lê Thiên B, sinh năm 1960;
29. Chị Lê Thị P, sinh năm 1992;
30. Anh Lê Thiên E, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội

31. Chị Lê Thị D, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

32. Anh Nguyễn Văn Q;
33. Bà Trần Thị S;

34. Anh Nguyễn Văn K1;

35. Anh Nguyễn Văn K2;

36. Chị Nguyễn Thị M;

Cùng địa chỉ: Đội Q, ngã ba C, huyện M, tỉnh S

37. Bà Lê Thị O, sinh năm 1940;

Địa chỉ: Thôn 7, xã Đội Cấn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Người kháng cáo: Chị Lê Thị N - Nguyên đơn; Anh Lê Thiên Q và anh Lê Thiên T - Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Cụ Lê Thiên M và cụ Viêt Thị N sinh được 06 người con gồm: ông Lê Thiên G, bà Lê Thị P, bà Lê Thị V, bà Lê Thị B, ông Lê Thiên M và bà Lê Thị O.

Cụ Viêt Thị N chết năm 1958, cụ Lê Thiên M chết năm 1978 đều không để lại di chúc. Ông Lê Thiên G chết năm 1976, bà Lê Thị P chết năm 1990, bà Lê Thị V đã chết (theo Quyết định số 03/2011/QĐ-GQVDS ngày 30/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện H). ông Lê Thiên M chết năm 2008.

Chị Lê Thị N là con đẻ của bà Lê Thị O, chị không rõ tên bố đẻ. Khoảng năm 1971 hoặc 1972, bà O đi lấy chồng thì anh trai bà O là ông Lê Thiên G và vợ là bà Nguyễn Thị D có nhận chị N làm con nuôi, đồng thời nuôi dưỡng chị N đến khi chị trưởng thành. Khi chị N đi lấy chồng, bà D là người đứng ra cưới gả và lo liệu gia thất cho chị. Việc chị N là con nuôi của ông G và bà D có quyết định nuôi con nuôi tại cơ quan có thẩm quyền hay không, chị không biết. Chị chỉ biết, bản thân chị mang họ Lê theo họ của bố nuôi là ông Lê Thiên G. Trong các đăng ký hộ tịch, hộ khẩu năm 1973 và năm 1980 của ông G và bà D có tên chị Lê Thị N, quan hệ với chủ hộ là con. Hiện nay, bà O (mẹ đẻ chị N) đang sống ở T, tuy nhiên chị và bà O không đi lại với nhau như mẹ con.

Hai cụ có khối tài sản gồm 05 gian nhà tranh bếp, bể nước trên diện tích 651m² đất tại địa chỉ Thôn L, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội. Năm 1958 cụ N chết số tài sản trên vẫn do cụ M và ông G, bà Nguyễn Thị D (vợ ông G), ông M, Bà Nguyễn Thị T (vợ ông M) quản lý sử dụng.

Năm 1976, ông G có cất một phần ngôi nhà cũ của cụ M và cụ N để làm nhà mới 04 gian lợp ngói. Sau khi ông G chết, bà D và chị N cùng ở tại căn nhà này, phần đất còn lại do ông M sử dụng. Năm 1978, cụ M chết thì nhà ai người đó sử dụng nhưng đất thì bà D, chị N và gia đình ông M vẫn sử dụng chung.

Năm 1986, thực hiện chỉ thị 229/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước, UBND xã Đ đã tiến hành thủ tục đăng ký sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị D, Bà Nguyễn Thị T và anh Lê Thiên Q (con ông M, bà T). Bà D đã được địa phương tách thửa quản lý thửa đất số 230 diện tích 370m² đất, tờ bản đồ 04 xã Đ. Năm 1999 bà D chết, toàn bộ nhà và tài sản vật dụng khác trên thửa đất số 230 do anh Lê Thiên Q sử dụng. Anh Q đã tự ý phá bỏ ngôi nhà của ông G, bà D để xây dựng nhà mới trên thửa đất số 230 mà không hỏi ý kiến của chị là trái quy định của pháp luật.

Thửa số 230 diện tích 370m² đất tờ bản đồ số 4 năm 1986 tại địa chỉ Thôn L, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội hiện do anh Lê Thiên Q và anh Lê Thiên T đang quản lý, sử dụng là tài sản của ông G, bà D. Do chị là con nuôi duy nhất, ông G, bà D không có con đẻ hay con nuôi nào khác, nên chị khởi kiện yêu cầu Q, Thường phải trả lại cho chị thửa đất trên để chị lấy nơi thờ cúng ông G, bà D.

Bị đơn là anh Lê Thiên Q, anh Lê Thiên T trình bày:

Về quan hệ huyết thống của cụ Lê Thiên M và cụ Viêt Thị N, ông đồng ý với trình bày của chị Lê Thị N. Ông là con của ông Lê Thiên M (chết năm 2008) và Bà Nguyễn Thị T. Bố mẹ ông sinh được 05 người con là: Lê Thị A, Lê Thiên Q, Lê Thiên L, Lê Thiên G, Lê Thiên T.

Cụ M và cụ N được hưởng khối tài sản từ cha ông để lại gồm: 01 ngôi nhà 05 gian, 01 gian bếp, 01 gian chuồng lợn, 01 bể nước, 01 sân gạch, 01 cao, 01 vườn, trên 01 mảnh đất nhà trong tại địa chỉ Thôn L, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội. Khi ông G và ông M lập gia đình thì mỗi ông vẫn ở một buồng trong ngôi nhà 5 gian. Cụ M và cụ N chết không để lại di chúc, sau khi các cụ chết, gia đình ông G và gia đình ông M cùng quản lý, sử dụng thửa đất nói trên.

Năm 1976 do nhà 05 gian xuống cấp hư hỏng, ông G phá bỏ 04 gian nhà và làm lại 04 gian nhà quay về hướng Đông Bắc. Thời gian này ông M đi công nhân, bà T vẫn sống ở gian nhà cũ khi làm nhà mới ông G trừ lại. Anh Lê Thiên Q và các anh em lên nhà mới ở cùng ông G, bà D và chị N.

Năm 1984, anh Q đi bộ đội về xây nối thêm một gian buồng vào ngôi nhà 04 gian ông G xây để lấy chỗ ở và phá bỏ gian buồng cũ bà T đang ở. Bà T chuyển lên ở cùng anh Q thời điểm này.

Năm 1986, khi UBND xã Đ tiến hành đo đất thì bà D đứng ra kê khai, các anh không rõ nội dung khai như thế nào. Chỉ đến khi chị N khởi kiện thì các anh mới biết thửa đất của cụ M và cụ N đã được tách làm 03 thửa, một thửa đứng tên bà D, một thửa đứng tên anh Q và một thửa đứng tên bà T. Anh Q ở mảnh

đất nhà trong nên anh Q đóng thuế đối với phần đất 300m² và phần đất làm gian hàng 25m².

Năm 1987, bà D, ông M, bà T họp với các anh em trong nhà phân chia đất, trong đó nói rõ: Tài sản bà D có 13 thước đất và 04 gian nhà do tổ tiên để lại. Phân chia cho anh Q 10 thước, chị N 03 thước. Nếu chị N đi lấy chồng thì giao lại cho anh Q quản lý, thờ cúng. Giấy phân chia đất có chữ ký của chị N và những người tham gia buổi họp.

Năm 1991, gia đình có họp lại với nội dung: Cho chị N ngôi nhà bác Phú đang ở, đất từ đường cái làng vào sâu 5m. Cho cháu A miếng đất bờ ao, đường vào nhà cháu Q rộng 1,8m, cho cháu T cái ao, toàn bộ đất và nhà trên cho cháu Q. Việc chia cho được lập thành Giấy và có sự chứng kiến của ông Hùng, ông N (đã chết), ông T (đã chết), bà B, anh B, ông Đ. Chị N có tham gia buổi họp nhưng không ký trong giấy.

Năm 1997, anh Q là người đứng ra làm lại ngôi nhà như hiện tại. Thời điểm đó bà D còn sống, khỏe mạnh, minh mẫn và hoàn toàn nhất trí với việc ông Q làm nhà.

Sau khi ông G, bà D, ông M chết không để lại di chúc thì anh chị em anh Q vẫn phân chia theo Biên bản họp gia đình năm 1991 và quản lý, sử dụng đến nay.

Hiện nay thửa đất trên đã được tách thành 04 thửa đất là thửa số 83, 84, 95, 97 tờ bản đồ số 04 xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội. Trong đó, anh Q đang quản lý, sử dụng thửa đất số 83, diện tích 25m²; thửa đất số 95, diện tích 300m²; anh Long đang quản lý thửa đất số 97, diện tích 127m²; anh Thường đang quản lý thửa đất số 84, diện tích 154m².

Các thửa đất nêu trên có nguồn gốc là của các cụ để lại, không phải là tài sản của ông G, bà D hay ông M, bà T mua bán, chuyển nhượng được mà có. Các cụ chết không để lại di chúc. Diện tích đất tranh chấp do anh Q quản lý, sử dụng là vì anh Q là nhà trưởng, lo việc cúng giỗ các cụ nên các anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Thiên L và chị Nguyễn Thị U là con trai và con dâu của ông Lê Thiên M và Bà Nguyễn Thị T. Hiện nay anh chị đang quản lý một phần diện tích đất của cụ M và cụ N, đó là thửa đất số 97, diện tích 127m², tờ bản đồ 04 Thôn L, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

Toàn bộ thửa đất tranh chấp là của các cụ để lại, các con cháu chỉ là người kế tục sử dụng, thực hiện việc ma chay cúng giỗ chứ không phải của ông G, bà D cụ nên anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N.

- Chị Lê Thị A là con đẻ của ông Lê Thiên M và Bà Nguyễn Thị T. Hiện nay bà đang quản lý một phần diện tích đất của cụ M và cụ N là 25m² đất (gian quán) thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ 04 Thôn L, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N.

Năm 1976, ông Lê Thiên G chết, việc thờ cúng tổ tiên được giao lại cho ông Lê Thiên M đảm nhiệm. Đến năm 1978, cụ Lê Thiên M chết không để lại di chúc về việc chia đất cho ai. Bà D và ông M, bà T ở chung một căn nhà 05 gian trên mảnh đất cụ M để lại.

Năm 1986, chị không được biết đến việc kê khai quyền sử dụng đất. Ngày 19/10/1991, bà D và ông M, bà T họp mặt thống nhất chia đất cho chị em Bà Lê Thị A trong đó ghi rõ: cho anh Lê Thiên Q 13 thước đất hiện giờ đang do anh Q sử dụng, cho anh Lê Thiên T phần đất ao. Cho chị A và chị Lê Thị N phần đất áp đường cái làng để lấy chỗ buôn bán và sinh sống. Nếu chị A và chị Lê Thị N mà đi lấy chồng thì phải trao trả lại toàn bộ số đất đã được chia cho anh Lê Thiên Q. Do chị A không đi lấy chồng nên chị A đã làm nhà và sử dụng trên phần đất được chia. Năm 1992, chị N đi lấy chồng, hai gian hàng được chia do anh Lê Thiên Q và chị Nguyễn Thị Nghĩa quản lý và sử dụng.

Năm 1997, anh Lê Thiên Q đã xin phép bà D và bố mẹ để xây nhà mới. Thời điểm đó, bà D hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn, tỉnh táo và không có ý kiến gì. Năm 1999, bà D chết, vợ chồng anh Lê Thiên Q đứng ra lo ma chay, giỗ tết, sang cát, xây mộ cho hai ông bà rất chu đáo.

Năm 2008, do chị N đã đi lấy chồng nên mẹ bà là Bà Nguyễn Thị T có họp mặt gia tộc và thống nhất để lại toàn bộ quyền sử dụng đất của cụ Lê Thiên M và cụ Viết Thị N cho bốn chị em chị là: Lê Thị A, Lê Thiên Q, Lê Thiên T, Lê Thiên L quản lý và sử dụng.

Chị N là con đẻ của bà O chứ không phải con nuôi của ông G, bà D. Do chị N đi bước nữa nên phải đem chị N gửi cho hai ông bà Thuận, Thơm trông nom giúp. Hàng tháng bà O vẫn gửi tiền về cho ông G, bà D chăm sóc chị N. Chưa bao giờ bà O cho chị N là con nuôi ai cả và chị N cũng không có giấy tờ gì chứng minh chị N là con nuôi của ông G và bà D. Chị A không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N.

- Anh Lê Thiên G và chị Nguyễn Thị L là con trai và con dâu của ông Lê Thiên M và Bà Nguyễn Thị T. Anh chị hoàn toàn đồng ý và nhất trí với lời khai của ông Lê Thiên Q không có ý kiến gì khác. Quá trình Tòa án giải quyết, anh chị xin được vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị X, bà Hoàng Thị N, bà Nguyễn Thị C, ông Lê Thiên B, ông Nguyễn Văn V, chị Nguyễn Thị A, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn C, chị Lê Thị P, anh Lê Thiên E và Trần

Thị Su, anh Nguyễn Văn K1, anh Nguyễn Văn K2, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Các ông bà, anh chị là con cháu của bà Nguyễn Thị An (chết năm 1990) và ông Nguyễn Văn Tân (đã chết), bà An và ông Tân sinh được 05 người con là: Nguyễn Văn Cư (đã chết) có vợ là Hoàng Thị N và các con là: Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Hương (đã chết – có chồng là Lê Thiên B và hai con là Lê Thiên E, Lê Thị P); Nguyễn Văn B; Nguyễn Thị S; Nguyễn Thị X; Nguyễn Văn Sửu (đã chết – có vợ là Trần Thị Su và 04 con là Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn Q)

Năm 1979, cụ Lê Thiên Mất không chia đất cho ông bà nào cả và cũng không để lại di chúc. Khi cụ M mất đi thì bà D, vợ chồng ông M, các cô chú ở cùng một mái nhà nằm trên thửa đất hiện nay đang sử dụng.

Ông G và bà D không có con đẻ, khi ông G chết thì việc thờ cúng tổ tiên cảnh họ Lê do ông M là con trai thứ 5 của cụ Lê Thiên Đảm nhiệm. Năm 1992, bà D ở với vợ chồng anh Lê Thiên Q trông nom và phụng dưỡng. Năm 1997, anh Q đã xin phép ông bà M và bà D dỡ nhà cũ để làm lại 05 gian nhà mới hiện nay đang ở, chị Lê Thị N có biết nhưng cũng không có ý kiến phản đối. Năm 1999, bà D chết, vợ chồng anh Lê Thiên Q đứng ra lo ma chay, giỗ tết, bốc mộ, bốc mả, xây mộ cho hai ông bà rất chu đáo. Đến ngày 16/6/2008, gia tộc họ Lê họp và hoàn toàn nhất trí để chị em anh Q được quyền sử dụng thửa đất cụ M để lại, tổng diện tích là hơn 500m².

Nay các ông bà, anh chị hoàn toàn nhất trí để anh Lê Thiên Q được sử dụng thửa đất thờ cúng tổ tiên cảnh họ Lê và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N.

Vụ án trên đã được giải quyết sơ thẩm, phúc thẩm và giám đốc thẩm tại các cấp Tòa án, vụ án bị hủy nhiều lần và giao về cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DSST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N về việc yêu cầu anh Lê Thiên Q và anh Lê Thiên T trả lại cho chị di sản thừa kế của ông Lê Thiện Thuận và bà Nguyễn Thị D là thửa đất số 230, diện tích 370m² tại Thôn L, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/12/2018 bị đơn là anh Lê Thiên Q, anh Lê Thiên T kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm nhận định chị Lê Thị N là con nuôi của ông G, bà D. Ngày 05/12/2018 nguyên đơn là chị Lê Thị N kháng cáo đề nghị được hưởng phần di sản thừa kế của ông G, bà D là thừa đất số 230, diện tích 370m² tại Thôn L, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo. Các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 23/2018/DSST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

1. Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa là lần thứ hai. Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị Y, Anh Lê Thiên L và ông Nguyễn Văn B. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt, họ không kháng cáo bản án. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

2. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn:

Chị Lê Thị N là con gái của bà Lê Thị O, chị N được vợ chồng ông Lê Thiên G (anh trai bà O) và bà Nguyễn Thị D nuôi từ nhỏ (năm 1973) đến lúc trưởng thành và lập gia đình. Việc bà D, ông G có làm thủ tục nhận nuôi con nuôi đối với chị N theo quy định của pháp luật hay không thì địa phương và chị N đều không nắm được, do toàn bộ sổ sách liên quan đến hộ tịch từ thời điểm trước năm 2000 (cụ thể là sổ nhận nuôi, đăng ký con nuôi) đã thất lạc. Trên các giấy tờ như sổ đăng ký hộ tịch, hộ khẩu, giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú năm 1980 đều thể hiện chị N có mối quan hệ với ông G, bà D là con. Chị N cũng đã đổi từ họ Bùi sang họ Lê là họ của ông G. Khi ông G, bà D chết chị N cũng là người đứng ra chịu tang theo phong tục. Bản án sơ thẩm nhận

định chị N là con nuôi của bà D, ông G và thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông bà là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thiên Q và anh Lê Thiên T.

3. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

Chị Lê Thị N khởi kiện yêu cầu anh Lê Thiên Q và anh Lê Thiên T trả lại cho chị toàn bộ khối di sản của ông G, bà D để lại gồm có nhà và 370m² đất thuộc thửa đất số 230 tại địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện H, Hà Nội hiện nay do anh Q và anh Thường đang quản lý, sử dụng.

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là một phần trong khối di sản của cụ Lê Thiên M và cụ Viêt Thị N để lại cho con cháu. Cụ N chết năm 1958, cụ M chết năm 1978 đều không để lại di chúc. Khi các cụ còn sống, gia đình ông G, bà D và gia đình ông M, bà T tự phân nhà, đất để ở nhưng chưa có văn bản phân chia. Năm 1976, vợ chồng ông G, bà D xây dựng một ngôi nhà cấp 4 trên phần đất tranh chấp, ông G chết năm 1976 không để lại di chúc. Khi còn sống bà D có gọi anh Q đến sống cùng để chăm sóc bà và đồng ý để anh Q phá bỏ toàn bộ nhà cũ để xây nhà mới. Bà D chết năm 1999 không để lại di chúc. Sau khi bà D chết, anh Lê Thiên Q là người trực tiếp quản lý, sử dụng công trình xây dựng trên đất và thửa đất này.

Theo Biên bản xác minh tại UBND xã Đ thể hiện:

- Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1986: Diện tích đất tranh chấp nằm trong khối tài sản gồm 03 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 04, cụ thể:

Thửa số 230, diện tích 370m² đứng tên bà Nguyễn Thị D.

Thửa số 230a, diện tích 94m² đứng tên anh Lê Thiên Q.

Thửa số 230, diện tích 154m² đứng tên Bà Nguyễn Thị T.

- Theo bản đồ và sổ mục kê năm 2005: Diện tích đất tranh chấp nằm trong khối tài sản gồm 04 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 07, cụ thể:

Thửa số 83, diện tích 25m² đứng tên anh Lê Thiên Q.

Thửa số 84, diện tích 154m² đứng tên Bà Nguyễn Thị T.

Thửa số 95, diện tích 300m² đứng tên anh Lê Thiên Q.

Thửa số 97, diện tích 127m² đứng tên Anh Lê Thiên L.

- Bản đồ năm 1986 và sổ mục kê năm 1986 ghi nhận thông tin người sử dụng đất có tên như trên là vì: Bản đồ năm 1986 được lập trên cơ sở thống kê hiện trạng sử dụng. Người đang sử dụng đất tự đứng tên kê khai về diện tích đang sử dụng chứ không có ý nghĩa xác lập quyền sở hữu đối với người có tên trong sổ này. Bản đồ này có giá trị tham khảo, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tại thời điểm năm 2005, ai đang ở thì đứng tên kê khai và được ghi trong sổ mục kê này. Bản đồ và sổ mục kê năm 2005 ghi nhận

thông tin người sử dụng đất là một trong những căn cứ để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận. Hiện tại, toàn bộ các thửa đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận do đang có tranh chấp.

Xét thấy, vợ chồng ông G, bà D là người đã từng sinh sống và quản lý thửa đất đang tranh chấp. Tuy nhiên, phần đất này nằm trong khối di sản thừa kế do cụ M, cụ N để lại cho con cháu. Hai cụ chết đều không để lại di chúc, các con cháu tự quản lý, sử dụng. Các đồng thừa kế chưa tiến hành phân chia di sản thừa kế của cụ M, cụ N. Việc bà Thom đứng tên trên sổ mục kê năm 1986 không phải là căn cứ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100, 101 Luật đất đai 2013 và hướng dẫn tại Điều 18 chương 5 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014. Mặt khác, anh Q là người trực tiếp sống cùng bà D trên thửa đất này, được bà D cho phép xây dựng công trình trên đất. Sau khi bà D chết năm 1999, anh Q vẫn là người tiếp tục sử dụng đất ổn định một thời gian cho đến khi chị N có đơn khởi kiện tranh chấp. Hiện nay, anh Lê Thiên Q và Lê Thiên T vẫn là người đứng tên trên sổ mục kê năm 2005. Do vậy, không có căn cứ xác định thửa đất số 230, tờ bản đồ số 04 năm 1986, diện tích 370m² đất tại Thôn L, xã Đ, huyện H là tài sản riêng của ông G, bà D khi còn sống và là di sản thừa kế do ông G, bà D để lại. Bản án sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi di sản thừa kế của chị Lê Thị N là có căn cứ, nên không chấp nhận kháng cáo của chị N.

- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh /UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội án phí, lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị N phải nộp 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Bản án sơ thẩm buộc chị N phải nộp 300.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm là không đúng. Do đó sửa án sơ thẩm về án phí.

- Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 100, 101 Luật đất đai
- Điều 612, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự
- Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009

- Điều 29 Nghị Quyết số326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Sửa một phần Bản án sơ thẩm về án phí, cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N về việc yêu cầu anh Lê Thiên Q và anh Lê Thiên T trả lại cho chị di sản thừa kế của ông Lê Thiện Thuận và bà Nguyễn Thị D là thửa đất số 230, tờ bản đồ số 04 năm 1986, diện tích 370m² tại Thôn L, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

2. Về án phí:

- Chị Lê Thị N phải nộp 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*) theo biên lai thu số 0007761 ngày 31/10/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, thành phố Hà Nội. Trả lại chị Lê Thị N 1.800.000đồng (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm.

- Hoàn trả chị Lê Thị N tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008518 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, thành phố Hà Nội.

- Hoàn trả anh Lê Thiên Q và anh Lê Thiên T, mỗi người 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008514 và 0008515 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, thành phố Hà Nội.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- VKSND TP.Hà Nội;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Hoàng Thị Thu Lan

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

